



MARKET LENS

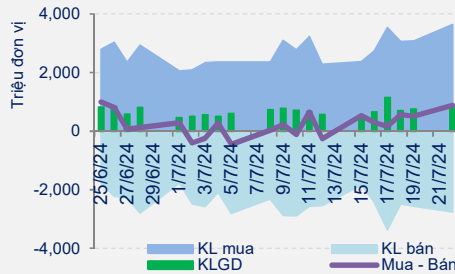
Phiên giao dịch ngày: 22/7/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

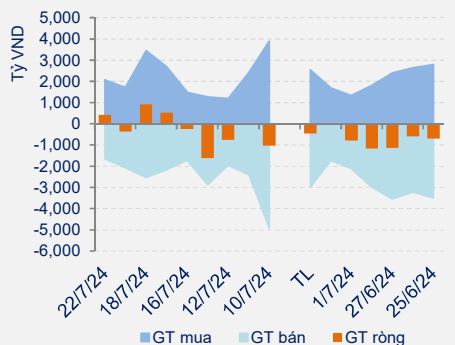
Chỉ số thị trường	HOSE	HNX
Index	1,254.64	238.38
% Thay đổi	↓ -0.80%	↓ -0.89%
KLGD (CP)	866,983,771	87,402,565
GTGD (tỷ đồng)	21,077.27	1,762.54
Tổng cung (CP)	2,757,592,017	124,425,300
Tổng cầu (CP)	3,637,550,434	107,800,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	54,580,947	3,127,235
KL mua (CP)	82,609,501	2,804,863
GT mua (tỷ đồng)	2,072.71	79.16
GT bán (tỷ đồng)	1,663.32	81.50
GT ròng (tỷ đồng)	409.39	(2.34)

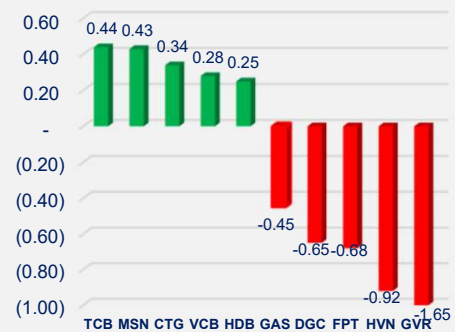
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Trong thông điệp của Thủ tướng hôm nay, lãnh đạo Chính phủ yêu cầu Bộ Tài chính triển khai hiệu quả các chính sách gia hạn thời hạn nộp thuế, tiền sử dụng đất, giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng, giảm phí, lệ phí đã được ban hành.

Với Ngân hàng Nhà nước, Thủ tướng yêu cầu sử dụng hiệu quả các công cụ điều hành để điều tiết tỷ giá, lãi suất, phù hợp với diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô và mục tiêu đề ra, đáp ứng nhu cầu vốn cho nền kinh tế; tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiểm soát rủi ro nợ xấu, triển khai hiệu quả các biện pháp xử lý nợ xấu, nâng cao chất lượng tín dụng.

Lãnh đạo Chính phủ cũng yêu cầu các Bộ, cơ quan, địa phương quán triệt, coi giải ngân đầu tư công là một nhiệm vụ chính trị trọng tâm; bám sát kế hoạch, mục tiêu giải ngân chi tiết từng dự án để tập trung chỉ đạo; chủ động, quyết liệt hơn nữa trong triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

Sau tuần giao dịch giảm điểm trước đó, thị trường mở cửa phiên sáng đầu tuần trong sắc đỏ và có thời điểm VN-INDEX giảm xuống mốc 1.245,02 điểm, tuy nhiên lực bán yếu dần trong phiên chiều giúp VN-INDEX kết phiên phục hồi về mốc 1.254,64 (-0,8%) tương ứng -10,14 điểm. HNX-INDEX kết phiên tại mốc 238,38 điểm (-3,01 điểm, tương ứng -0,23%). Độ rộng thị trường nghiêng về bên bán với 259 cổ phiếu giảm giá, 71 cổ phiếu tăng giá, 38 cổ phiếu tham chiếu tại HOSE. HNX giao dịch với 117 cổ phiếu giảm giá, 55 cổ phiếu tham chiếu và 57 cổ phiếu tăng giá.

Thanh khoản trên cả 2 sàn tăng so với phiên giao dịch trước đó khi khối lượng khớp lệnh +14,9% tại HOSE và +24,7% tại HNX. Khối ngoại phiên hôm nay mua ròng với +423,384 tỷ đồng tại HOSE tập trung tại mã SBT (+368,4 tỷ), FPT (+61,3 tỷ), POW (+33,1 tỷ) và VND (+30,9 tỷ)...ở chiều ngược lại, bán ròng DGC (-97,2 tỷ), VPB (-53,7 tỷ)... Cùng với đó, bán ròng từ khối ngoại cũng diễn ra trên sàn HNX với -2,341 tỷ đồng, tập trung tại các mã MBS (-9,6 tỷ), TNG (-5,6 tỷ) và QTC (-5 tỷ), chiều mua ròng nổi bật với IDC (+11,6 tỷ), PVS (+4,1 tỷ), DHT (+2,8 tỷ) và SHS (+1,6 tỷ)...

Nhóm ngành tích cực nhất góp phần cho điểm số của thị trường hôm nay là Thực Phẩm và Đồ Uống với các mã trụ như MSN (+1,69%), VNM (+0,15%), SAB (+0,91%), và SBT (+2,7%)...

Ngoài nhóm Thực Phẩm và Đồ Uống, một số nhóm cổ phiếu khác cũng có diễn biến ấn tượng như Ngân Hàng, tiêu biểu như TPB (+1,09%), CTG (+0,75%), TCB (+1,07%), HDB (+1,4%), OCB (+0,66%)...

Ghi nhận trong phiên hôm nay, một số ngành có sự giao dịch phân hóa, tiêu biểu là ngành Viễn Thông với VGI (-9,36%), TTN (-6,31%), ABC (-3,51%), tuy nhiên mã MFS (+2,66%), PIA (+8,1%)... ngành Chứng khoán với VDS (-6,8%), MBS (-6,78%), BVS (-9,52%) trong khi các mã tăng giá gồm SHS (+2,9%), HCM (+1,92%). Nhóm ngành hóa chất có sự giảm điểm với DGC (-6,02%), CSV (-6,3%)... Trái ngược với thông tin Phó Thủ tướng giao Bộ Công Thương nghiên cứu lập sản xăng dầu cuối tuần vừa qua, các cổ phiếu Dầu Khí phản ứng kém tích cực với mã OIL (-4,76%), PVD (-2,67%), PVS (-3,07%), BSR (-2,34%), PVC (-2,82%)... Đa số cổ phiếu ngành Du Lịch và Giải Trí có một phiên giao dịch trong sắc đỏ, cụ thể là HVN tiếp tục giảm kịch biên độ (-6,88%), VJC (-0,28%), SCS (-5,02%), HRT (-7,48%), SRT (-6,35%)... Các cổ phiếu nhóm xây dựng, bất động sản cũng có phiên tiêu cực khi nhiều mã giảm mạnh như PC1 9-4,95%), DPG (-6,06%), HDG (-6,94%), NVL (-6,3%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2408 +2,9 điểm (+0,22%), đóng cửa tại 1,300 điểm. Chênh lệch +0,69 điểm so với VN30, các kỳ hạn xa hơn là VN30F2409 VN30F2412 VN30F2503 chênh lệch từ +1,79 điểm đến +6,39 điểm so với VN30. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch +20,7% so với phiên trước, và cao hơn mức trung bình 20 phiên. Xu hướng ngắn hạn của VN30F2408, khả năng vẫn vận động trong vùng 1.280 đến 1.320 điểm. Khối lượng mở OI hôm nay là 48.096 so với phiên gần nhất là 41.100 cho thấy xu hướng gia tăng các vị thế nắm giữ.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Với áp lực điều chỉnh trong tuần trước, tập trung mạnh ở nhóm vốn hóa trung bình nhỏ. Trong phiên hôm nay, VN-INDEX tiếp tục giảm điểm ngay từ đầu phiên, không giữ được đường xu hướng hỗ trợ ngắn hạn nổi các vùng giá thấp nhất tháng 04/2024, 06, 07/2024. Điều này đồng thời với thông tin tổng dư nợ margin của các công ty chứng khoán trong cuối quý II/2024 đạt mức đỉnh mới gần 230.000 tỉ đồng, cao hơn mức dư nợ đỉnh điểm của thị trường trong đầu năm 2022 đã dẫn đến tâm lý thị trường kém tích cực hơn. Áp lực bán mạnh tiếp tục gia tăng đột biến ở nhiều mã khiến cho VN-INDEX tiếp tục giảm mạnh về vùng giá thấp nhất tháng 7/2024 quanh 1.245 điểm trước khi phục hồi nhẹ trở lại dưới ảnh hưởng của nhóm ngân hàng. Kết phiên VN-INDEX giảm 10,14 điểm (-0,80%) về mức 1.254,64 điểm, duy trì trong vùng giá 1.245 điểm - 1.255 điểm là vùng cân bằng của kênh tích lũy trung hạn, cũng như vùng giá cao nhất năm 2023.

Ngắn hạn VN-INDEX tích lũy kém tích cực trong vùng giá 1.250 điểm - 1.275 điểm trong kênh tích lũy hẹp dần của xu hướng trung hạn hiện nay. Trong trường hợp tích cực, VN-INDEX cần giữ được vùng hỗ trợ quanh 1.250 điểm, tương ứng vùng hỗ trợ của đường xu hướng trung hạn nổi các vùng giá thấp nhất tháng 11/2023, 04/2024 và 07/2024 kéo dài hiện nay sau đó vượt lên vùng kháng cự quanh 1.275 điểm, tương ứng vùng giá trung bình 10 và 20 phiên hiện nay.

Xu hướng trung hạn VN-INDEX duy trì tích lũy với biên độ hẹp dần trong vùng 1.245 điểm - 1.255 điểm đến 1.300 điểm, nửa trên của kênh 1.180 điểm - 1.200 điểm đến 1.300 điểm, mở rộng lên 1.320 điểm. Trong đó 1.200 điểm là vùng giá cao nhất năm 2018, 1.300 điểm - 1.320 điểm là vùng giá cao nhất tháng 06, 08/2022. Điểm cân bằng của kênh tích lũy trung hạn là vùng 1.245 điểm - 1.255 điểm, tương ứng vùng giá cao nhất năm 2023.

Trong ngắn hạn, mặc dù VN-INDEX biến động tích lũy dưới ảnh hưởng của VN30, tuy nhiên khá nhiều mã/nhóm mã chịu áp lực bán mạnh, có thể bắt đầu chịu áp lực giải chấp, giảm tỉ lệ dư nợ riêng lẻ. Do đó nhà đầu tư ngắn hạn nên duy trì tỉ trọng hợp lý, kiểm soát rủi ro ngắn hạn đối với các mã yếu kém nếu có. Nhà đầu tư trung - dài hạn nắm giữ danh mục hiện tại, các vị thế xem xét gia tăng tỉ trọng mới cần đánh giá cẩn trọng dựa trên kết quả kinh doanh quý II và triển vọng cuối năm của các doanh nghiệp đầu ngành. Đối với chỉ số VN-INDEX nhà đầu tư nên kiên nhẫn chờ thoát khỏi xu hướng tích lũy ngắn trung hạn kéo dài hiện nay, trước khi có các quyết định mới. Nhà đầu tư tỉ trọng dưới mức trung bình, xem xét chọn lọc giải ngân khi VN-INDEX ở vùng giá quanh 1.250 điểm. Mục tiêu các mã cổ phiếu đầu ngành, dự báo có kết quả kinh doanh quý II tăng trưởng tốt, triển vọng tích cực trong cuối năm.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 22/7/2024

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
PLX	46.35	41-42	54-55	38	18.0	11.4%	73.2%	Theo dõi giải ngân
LHG	38.85	36.5-37	44-45	35	13.0	142.7%	178.7%	Theo dõi giải ngân
DPR	42.20	40.7-42.5	46-47	39	17.9	59.6%	153.1%	Theo dõi giải ngân
CNG	36.10	34.3-35.2	40-42	32	11.3	-14.6%	-94.2%	Theo dõi giải ngân
BWE	42.25	39-41	48-50	24	13.1	16.3%	27.3%	Theo dõi giải ngân
DRC	34.35	31-33	38-39	30	13.7	17.4%	52.2%	Theo dõi giải ngân
FPT	124.10	115-120	137-140	110	25.4	22.1%	24.2%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
17/6/2024	MBB	25.20	23	26.5-27.5	24	9.6%	Nắm giữ
17/6/2024	CLX	15.88	16.8	26-28	15.5	-5.5%	Nắm giữ
7/2/2024	BSR	22.37	22	26-28	22.2	1.7%	Nắm giữ
18/7/2024	POW	13.45	13.85	17.5-18.5	13	-2.9%	Nắm giữ
18/7/2024	DPM	34.80	35.2	40-41	33.5	-1.1%	Nắm giữ

TIN VÍ MÔ

Tổng thống Joe Biden rút lui, đề cử bà Harris thay thế

Tổng thống Mỹ Joe Biden thông báo chấm dứt chiến dịch tái tranh cử hôm 21-7 (giờ Mỹ) và đề cử Phó Tổng thống Kamala Harris thay ông làm ứng viên tổng thống của đảng Dân chủ. Trong thông báo trên X, vị tổng thống 81 tuổi nói thêm ông vẫn đảm nhiệm vai trò tổng thống và tổng chỉ huy quân đội cho đến khi kết thúc nhiệm kỳ hiện nay vào tháng 1-2025.

Chưa giao tư nhân làm điện gió ngoài khơi: Bộ Công Thương nêu lý do bất ngờ

Đề xuất giao PVN, EVN và đơn vị của Bộ Quốc phòng đầu tư điện gió ngoài khơi, Bộ Công Thương cho rằng, chưa nên giao tư nhân đầu tư thí điểm điện gió ngoài khơi trong khi chưa đánh giá hết được các vấn đề về quốc phòng, an ninh, giá, vướng mắc pháp luật.

Tại Việt Nam đối với lĩnh vực điện, Quy hoạch điện VIII được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 đã đặt mục tiêu công suất điện gió ngoài khơi phục vụ nhu cầu điện trong nước đến năm 2030 đạt 6.000 MW, định hướng đến năm 2050 đạt từ 70.000 MW đến 91.500 MW.

Phó Thủ tướng giao Bộ Công Thương nghiên cứu lập sản xăng dầu

Văn phòng Chính phủ vừa có Công văn số 5124 truyền đạt ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái về việc nghiên cứu thông tin, báo chí phản ánh, kiến nghị về việc thành lập sản giao dịch xăng dầu. Theo Văn phòng Chính phủ, một số cơ quan báo chí đăng tải ý kiến của các chuyên gia cho rằng, để minh bạch và đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các doanh nghiệp cần xem xét áp dụng mô hình sản giao dịch xăng dầu.

Các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài khi tham gia sản cũng sẽ chủ động xây dựng hệ thống kho chứa, vận tải để đảm bảo năng lực cạnh tranh. Như vậy cũng góp phần đỡ áp lực cho dự trữ quốc gia, đảm bảo an ninh năng lượng.

Thủ tướng giục Bộ Tài chính trình giảm phí trước bạ ô tô trong nước

Tại hồ sơ gửi Bộ Tư pháp thẩm định hôm 11/7, Bộ Tài chính vẫn hoàn thiện chính sách giảm 50% phí trước bạ với xe trong nước theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền. Tuy nhiên, Bộ Tài chính đề nghị Chính phủ giao Bộ Công Thương rà soát, đưa ra phương án để ứng phó trong trường hợp Việt Nam có thể bị khởi kiện. Ước tính, ngân sách sẽ giảm thu khoảng 5.200 tỷ đồng khi tiếp tục chính sách này. Thực tế, giảm phí trước bạ không giúp giảm giá xe nhưng sẽ giảm các chi phí để xe lăn bánh. Việc giảm loại phí này cũng nhằm kích cầu tiêu dùng trong bối cảnh thị trường xe trong nước nửa đầu năm kém nhiệt.

TIN DOANH NGHIỆP

VPBank chính thức trở thành đối tác chiến lược của hãng xe điện BYD

Cụ thể, khách hàng mua xe điện sẽ được vay tối đa lên tới 80% giá trị xe và mức lãi suất chỉ từ 7,9%/năm. Theo đó, khách hàng đại lý sẽ được vay tối đa tới 85% giá trị xe điện và mức lãi suất tối thiểu là 4,8% tùy vào thời hạn vay. VPBank cho biết trong nhiều năm qua luôn tiên phong phát triển tín dụng xanh, với nhiều sản phẩm tài chính thông minh, vượt trội, hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm thiểu dấu chân carbon, góp phần nâng cao lợi thế cạnh tranh của cộng đồng doanh nghiệp nội địa cũng như hướng tới sự phát triển bền vững.

LPB: Lợi nhuận bán niên của LPBank tăng 142%, đạt 5.919 tỷ đồng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Lộc Phát Việt Nam (LPBank – mã chứng khoán: LPB) mới đây đã công bố kết quả kinh doanh sơ bộ 6 tháng đầu năm với lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt 5.919 tỷ đồng, tăng trưởng 142% so với cùng kỳ. Trước đó, lợi nhuận trước thuế quý 1 của ngân hàng này đạt hơn 2.886 tỷ đồng. Như vậy, ước tính lợi nhuận quý 2 của LPBank sẽ ở mức trên 3.000 tỷ đồng, gấp gần 3,5 lần cùng kỳ năm trước. Trong năm 2024, LPBank đặt kế hoạch kinh doanh với lợi nhuận trước thuế đạt mức 10.500 tỷ đồng, tăng gần 50% so với năm 2023. Như vậy, ngân hàng này đã thực hiện được hơn 56% kế hoạch lợi nhuận cả năm.

VNDirect báo lãi quý 2/2024 sụt giảm, phát sinh khoản chi phí tăng đột biến gần 5.100% so với cùng kỳ

Dư nợ cho vay margin và UTTB của VNDirect tăng gần 1.300 tỷ trong quý 2 lên mức 11.246 tỷ đồng. Công ty cổ phần Chứng khoán VNDIRECT (VND) đã công bố BCTC quý 2/2024, ghi nhận doanh thu hoạt động giảm 8% so với cùng kỳ xuống 1.458 tỷ đồng. Kết quả, VNDirect lãi trước thuế 426 tỷ đồng trong quý 2 vừa qua, giảm 19% so với cùng kỳ năm trước. LNST đạt 345 tỷ đồng, giảm 18%. Năm 2024, VNDirect lên kế hoạch lợi nhuận trước thuế đạt 2.525 tỷ đồng, tăng 2%. Như vậy sau 6 tháng, công ty đã thực hiện được 47% kế hoạch năm.

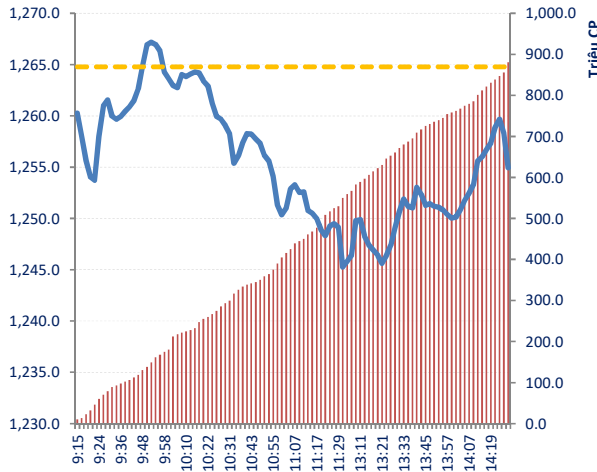
Techcombank báo lãi 15,6 nghìn tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm, số dư CASA cao kỷ lục

Trong quý 2 năm 2024, Techcombank tiếp tục gặt hái những kết quả kinh doanh tích cực, với tổng thu nhập hoạt động và lợi nhuận trước thuế tiếp tục tăng hơn 30% so với cùng kỳ năm trước. Số dư CASA tiếp tục ở mức cao kỷ lục với hơn 180 nghìn tỷ đồng, trong lúc tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát dưới 1,3% và tỷ lệ an toàn vốn tăng lên mức 14,5% - dẫn đầu ngành ngân hàng. Theo đó, lợi nhuận trước thuế quý 2 đạt 7.827 tỷ đồng, tăng 38,5% so với cùng kỳ năm trước; lũy kế 6 tháng đạt 15.628 tỷ đồng, tăng trưởng 38,6% so với 6 tháng đầu năm 2023. Ngân hàng ghi nhận 1.420 tỷ đồng thu nhập từ các hoạt động khác, với mức tăng trưởng cao 33,8% so với cùng kỳ năm ngoái, chủ yếu dẫn dắt bởi lãi từ hoạt động kinh doanh trái phiếu.

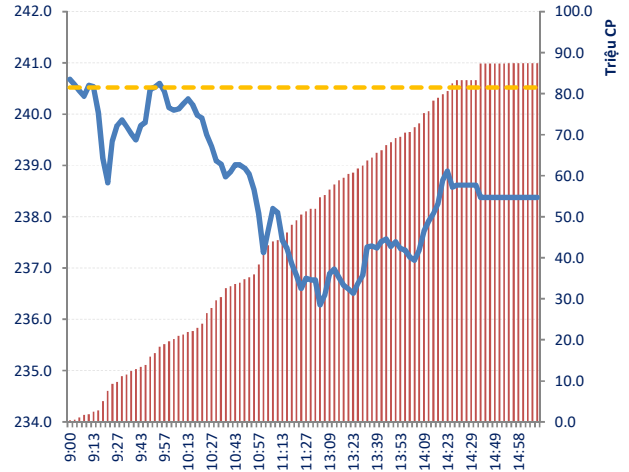


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

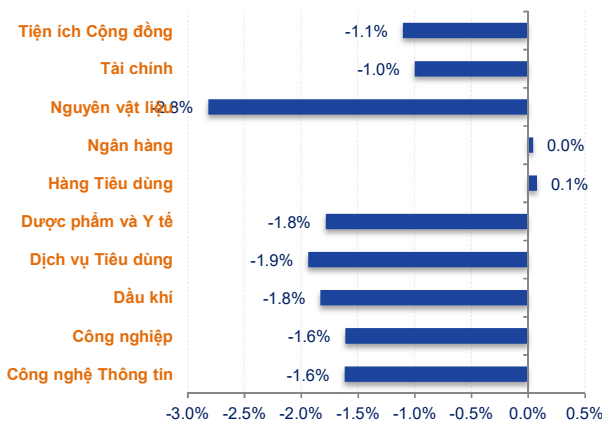
KLGD và VN-Index trong phiên



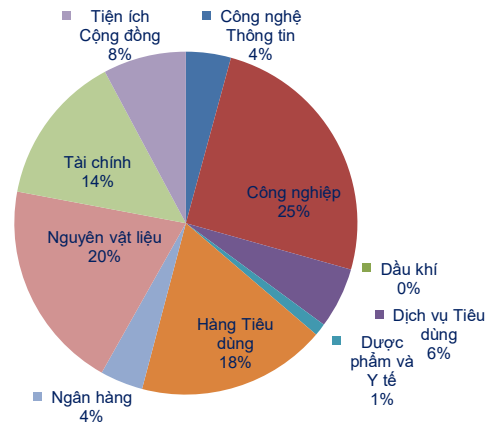
KLGD và HNX-Index trong phiên



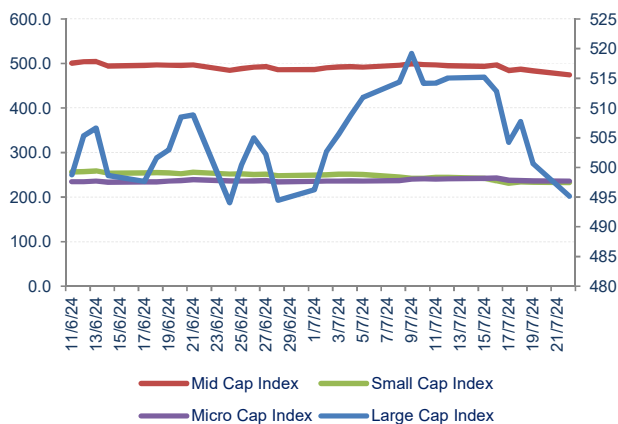
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



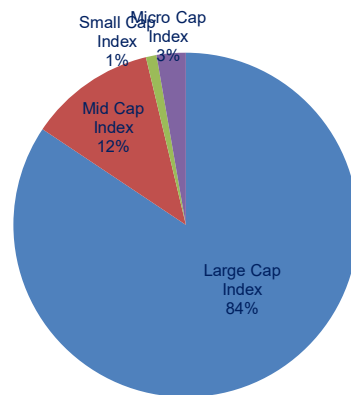
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HOSE

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SBT	28,345,904	VPB	2,856,600
2	POW	2,380,800	DXG	1,988,900
3	VND	1,945,550	MSB	1,049,900
4	TCH	1,519,600	OCB	930,200
5	VIX	1,231,200	VHM	853,600

HNX

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VIG	242,100	QTC	362,475
2	IDC	196,111	MBS	269,500
3	PVS	103,000	TIG	269,400
4	SHS	92,952	TNG	222,400
5	CEO	52,850	BVS	54,700

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
MBB	25.40	25.20	↓ -0.79%	39,267,300
NVL	11.90	11.15	↓ -6.30%	39,072,200
SBT	12.95	13.30	↑ 2.70%	35,241,200
TPB	18.40	18.60	↑ 1.09%	32,697,708
VIX	15.80	14.75	↓ -6.65%	28,672,200

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	17.30	17.80	↑ 2.89%	19,933,975
MBS	35.40	33.00	↓ -6.78%	7,082,134
CEO	16.60	16.10	↓ -3.01%	6,312,939
PVS	42.30	41.00	↓ -3.07%	2,994,114
BVS	42.00	38.00	↓ -9.52%	2,306,798

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
NNC	20.85	22.30	1.45	↑ 6.95%
SRC	36.20	38.70	2.50	↑ 6.91%
ADP	29.15	31.15	2.00	↑ 6.86%
NAV	17.00	18.15	1.15	↑ 6.76%
CSM	13.45	14.35	0.90	↑ 6.69%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KHS	12.20	13.40	1.20	↑ 9.84%
PJC	23.50	25.80	2.30	↑ 9.79%
INC	25.70	28.20	2.50	↑ 9.73%
PHN	72.00	79.00	7.00	↑ 9.72%
GKM	35.90	39.30	3.40	↑ 9.47%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LHG	42.50	38.85	-3.65	↓ -8.59%
EVG	6.86	6.38	-0.48	↓ -7.00%
KPF	3.00	2.79	-0.21	↓ -7.00%
SMC	17.20	16.00	-1.20	↓ -6.98%
TIP	25.80	24.00	-1.80	↓ -6.98%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ARM	33.10	29.80	-3.30	↓ -9.97%
TTH	4.10	3.70	-0.40	↓ -9.76%
PV2	3.10	2.80	-0.30	↓ -9.68%
BVS	42.00	38.00	-4.00	↓ -9.52%
TXM	11.70	10.60	-1.10	↓ -9.40%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	39,267,300	21.5%	3,854	6.6	1.3
NVL	39,072,200	1.4%	315	37.7	0.5
SBT	35,241,200	5.7%	813	15.9	0.9
TPB	32,697,708	13.9%	2,041	9.0	1.2
VIX	28,672,200	12.8%	1,670	9.5	1.2

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	19,933,975	5.7%	688	25.2	1.3
MBS	7,082,134	14.4%	1,687	21.0	2.9
CEO	6,312,939	2.8%	365	45.5	1.4
PVS	2,994,114	7.1%	1,992	21.2	1.5
BVS	2,306,798	9.6%	3,090	13.6	1.3

Top Độ biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
NNC	↑ 7.0%	12.8%	2,198	9.5	1.1
SRC	↑ 6.9%	6.6%	1,023	35.4	2.3
ADP	↑ 6.9%	25.4%	3,131	9.3	2.2
NAV	↑ 6.8%	24.0%	3,343	5.1	1.3
CSM	↑ 6.7%	6.3%	804	16.7	1.0

Top Độ biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KHS	↑ 9.8%	-3.6%	(594)	-	0.7
PJC	↑ 9.8%	20.4%	4,005	5.9	1.1
INC	↑ 9.7%	7.5%	961	26.8	2.1
PHN	↑ 9.7%	39.6%	8,294	8.7	3.1
GKM	↑ 9.5%	17.5%	1,999	18.0	3.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SBT	28,345,904	5.7%	813	15.9	0.9
POW	2,380,800	2.4%	350	38.0	0.9
VND	1,945,550	15.6%	1,952	8.1	1.1
TCH	1,519,600	7.0%	1,252	14.9	1.0
VIX	1,231,200	12.8%	1,670	9.5	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VIG	242,100	10.6%	783	9.2	0.9
IDC	196,111	31.7%	5,880	10.1	3.0
PVS	103,000	7.1%	1,992	21.2	1.5
SHS	92,952	5.7%	688	25.2	1.3
CEO	52,850	2.8%	365	45.5	1.4

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	489,045	20.0%	5,838	15.0	2.8
BID	271,911	18.1%	3,841	12.4	2.1
FPT	184,016	23.2%	4,889	25.8	5.6
HPG	180,374	9.2%	1,455	19.4	1.6
CTG	179,358	16.2%	3,751	8.9	1.4

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	20,218	7.1%	1,992	21.2	1.5
IDC	19,635	31.7%	5,880	10.1	3.0
MBS	15,492	14.4%	1,687	21.0	2.9
HUT	15,173	0.7%	97	174.8	1.3
SHS	14,068	5.7%	688	25.2	1.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PSH	2.52	-9.6%	(1,295)	-	0.5
VOS	2.42	25.1%	3,140	5.7	1.2
KSB	2.31	3.6%	1,008	19.8	0.9
RDP	2.26	4.1%	444	8.2	0.5
GEX	2.17	2.5%	625	35.4	0.9

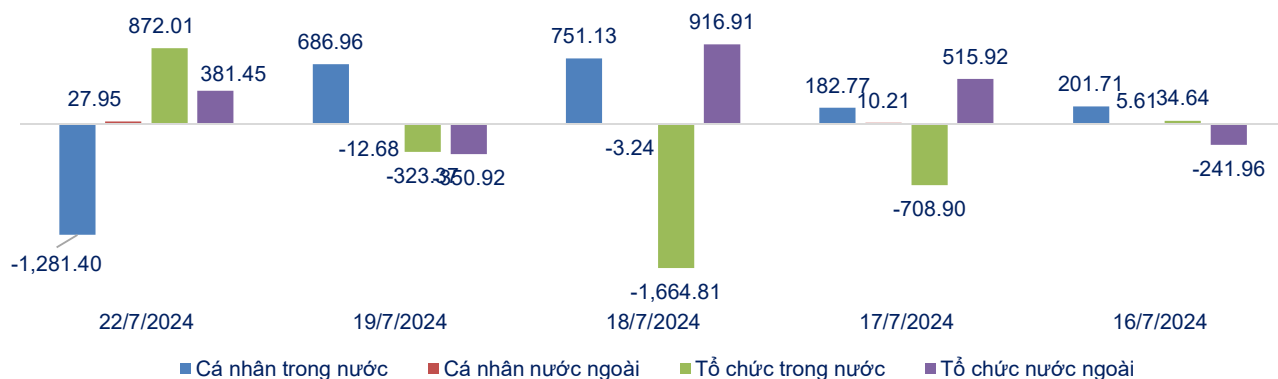
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
HMR	3.93	9.2%	1,214	19.6	1.8
VGS	3.26	6.0%	1,098	35.2	2.1
API	3.18	-6.9%	(772)	-	0.7
IDJ	3.14	5.0%	584	10.8	0.5
MCO	2.93	0.8%	97	172.5	1.3



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NGĐT

Giá trị ròng theo loại hình NGĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	59.94	24.6%	7,884	15.4	3.7
VHM	29.80	12.1%	5,325	7.1	0.8
HSG	29.70	8.1%	1,423	16.7	1.3
PVD	29.13	4.5%	1,198	23.4	1.0
DXG	28.77	2.1%	480	28.1	0.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SBT	-355.32	5.7%	813	15.9	0.9
HPG	-131.07	9.2%	1,455	19.4	1.6
MSN	-85.94	0.8%	213	333.6	2.6
STB	-83.66	17.7%	4,206	7.2	1.2
FPT	-75.39	23.2%	4,889	25.8	5.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	20.77	11.1%	1,701	20.5	2.2
TCB	7.69	15.2%	2,802	8.4	0.6
ANV	4.19	-1.2%	(253)	-	1.7
VTP	2.79	23.2%	2,981	26.5	5.9
HDG	1.85	8.8%	1,873	16.5	1.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FRT	-6.41	-17.1%	(2,215)	-	13.5
DGC	-2.26	24.6%	7,884	15.4	3.7
GEX	-1.72	2.5%	625	35.4	0.9
LCG	-1.66	4.9%	649	17.3	0.8
FPT	-1.24	23.2%	4,889	25.8	5.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	110.03	9.2%	1,455	19.4	1.6
STB	80.47	17.7%	4,206	7.2	1.2
VPB	78.96	8.9%	1,525	12.3	1.0
MBB	63.72	21.5%	3,854	6.6	1.3
MSN	60.81	0.8%	213	333.6	2.6

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFNVD	-28.86	N/A	N/A	N/A	N/A
PVD	-26.33	4.5%	1,198	23.4	1.0
CTR	-18.92	28.4%	4,582	29.5	8.2
VGC	-15.46	12.7%	2,746	18.7	2.4
HSG	-13.60	8.1%	1,423	16.7	1.3

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SBT	354.49	5.7%	813	15.9	0.9
FPT	62.57	23.2%	4,889	25.8	5.6
POW	31.73	2.4%	350	38.0	0.9
VND	30.87	15.6%	1,952	8.1	1.1
TCH	26.37	7.0%	1,252	14.9	1.0

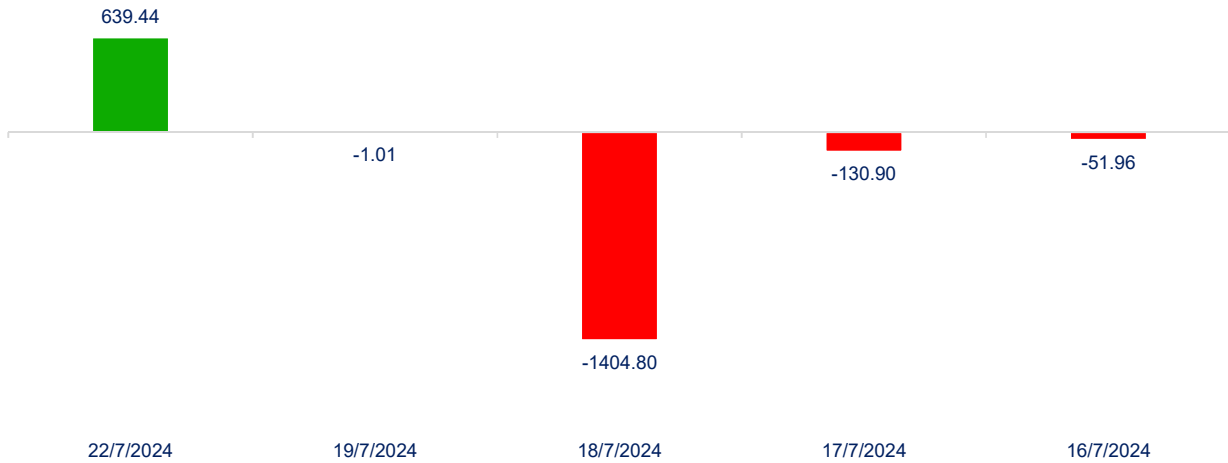
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-95.05	24.6%	7,884	15.4	3.7
VPB	-53.84	8.9%	1,525	12.3	1.0
VHM	-32.13	12.1%	5,325	7.1	0.8
MWG	-31.09	4.4%	717	91.5	3.7
DXG	-26.67	2.1%	480	28.1	0.6



THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng nhóm: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy
duy.vt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
